TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Chấn

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:*

Bà Phạm Linh Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST -HN ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn*:

Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*:

Anh Trần Thanh V, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng ngụ: số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh V kết hôn vào năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Khiết M, sinh ngày 11/10/2012. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh V không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt chị D và anh V là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Thanh V kết hôn vào năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị D do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không chăm lo cho vợ con. Xét thấy, hôn nhân giữa chị D và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Khiết M, sinh ngày 11/10/2012. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con đang sống chung với chị D, ý kiến của con muốn được sống chung với mẹ, để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ cần giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: chị D khai không có nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: chị D khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D đối với anh Trần Thanh V.

Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Trần Thanh V. Quan hệ hôn nhân của chị D, anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Khiết M, sinh ngày 11/10/2012. Giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị D khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị D khai không có, nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000927 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí.

Chị D, anh V vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã Tường Đa,
(Số 22/2012/ĐKKH ngày 19/4/2012)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu